

Số: /BC-UBND

Tân Yên, ngày tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường năm 2023

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường (BVMT). UBND huyện Tân Yên báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn huyện như sau:

I. BỐI CẢNH CHUNG KINH TẾ TÁC ĐỘNG CHÍNH ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Năm 2023, huyện triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện gặp nhiều khó khăn thách thức, song dưới sự lãnh đạo toàn diện, sâu sát, kịp thời của Huyện ủy, HĐND huyện; sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, chủ động, linh hoạt của UBND huyện trong đó tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, phát huy nội lực, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài đẩy mạnh phát triển sản xuất, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật nhất là hạ tầng giao thông, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư nông thôn... nên tình hình kinh tế- xã hội của huyện tiếp tục phát triển khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực Công nghiệp- Xây dựng 48%; Thương mại dịch vụ 27%; nông lâm nghiệp, thủy sản 25%. Đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức 16/17 chỉ tiêu kinh tế, xã hội. Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 11,5%, giá trị nông nghiệp tăng, công nghiệp xây dựng phục hồi và phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; tình hình phát triển kinh tế- xã hội năm 2023 được thể hiện ở các lĩnh vực chủ yếu như sau:

1. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

1.1. Sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp năm 2023 phát triển ổn định, có bước tăng trưởng khá so với cùng kỳ. Một số lĩnh vực sản xuất phát triển mạnh như sản xuất linh kiện điện tử, gia công may mặc, cơ khí, đây là những ngành vẫn nhận được nhiều đơn hàng, tạo nhiều việc làm cho người lao động, đóng góp lớn vào giá trị ngành công nghiệp; đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp phụ trợ bao bì cattong, chế biến thực phẩm duy trì phát triển ở mức khá; tuy nhiên, lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng hoạt động cầm chừng do mức tiêu thụ chậm, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao. Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2023 toàn huyện ước đạt 6.215 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch, bằng 118,2% so với cùng kỳ.

1.2. Xây dựng

Do ảnh hưởng của giá vật liệu, thu ngân sách, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp gặp khó khăn, hoạt động xây dựng trên địa bàn chưa phát triển theo kỳ vọng, tuy nhiên việc chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các dự án trọng

điểm, hạ tầng khu, cụm công nghiệp và các dự án đầu tư đầu tư ngoài ngân sách... Nhiều công trình đầu tư xây dựng được đưa vào hoạt động, phát huy hiệu quả, công năng sử dụng, đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của địa phương¹; giá trị ngành xây dựng vẫn có tăng trưởng, ước giá trị sản xuất đạt 3.713 tỷ đồng, tăng 13,2% so với cùng kỳ.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

2.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tình hình thời tiết đầu năm bất lợi, giá cả các loại sản phẩm nông nghiệp ổn định nhưng ở mức thấp ảnh hưởng đến năng suất, giá trị cây trồng, vật nuôi... UBND huyện đã tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp đồng bộ, quyết liệt, linh hoạt, thị trường tiêu thụ nông sản, thủy sản những tháng cuối năm có khởi sắc, dịch bệnh trên gia súc, gia cầm cơ bản được kiểm soát nên chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển tốt; một số sản phẩm chủ lực như: rau quả thực phẩm, gia cầm, ổi lê, vải thiều,... cho giá trị cao góp phần vào tăng trưởng kinh tế của huyện; Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 5.170 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ.

2.2. Xây dựng Nông thôn mới

Thực hiện Kế hoạch Chương trình MTQG xây dựng NTM theo Bộ tiêu chí Quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2022-2025. UBND huyện tích cực chỉ đạo các xã đăng ký, huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới, xã, thôn nông thôn mới nâng cao; Đến nay, cơ bản 05 xã xây dựng NTM nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 (Lam Cốt, Liên Sơn, Ngọc Vân, Ngọc Lý, Việt Lập) đã hoàn thành các tiêu chí, đang thiết lập hoàn thiện hồ sơ chứng minh tiêu chí trình các ngành thẩm tra theo quy định, ước đến hết tháng 12/2023, 4/4 xã được kiểm tra công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 21/21 thôn đạt chuẩn thôn Nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Hoạt động thương mại, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn

Cùng chịu sự tác động chung của nền kinh tế toàn cầu cũng như trong nước, sức mua của người dân thấp, thương mại có phát triển nhưng chậm, nhu cầu mua sắm, sử dụng hàng hóa, dịch vụ của nhân dân tăng - giảm không đều, tùy theo thời điểm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2023 ước đạt 7.408 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ; Dịch vụ có nhiều chuyển biến tích cực ngoài một số loại hình dịch vụ ăn uống giải trí, vận tải phát triển mạnh, thì dịch vụ du lịch, dịch vụ giáo dục, tài chính, ngân hàng phát triển cũng đa dạng hơn.

4. Thu chi ngân sách

Tập trung chỉ đạo, thực hiện các giải pháp thu ngân sách nhà nước; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu thu trên địa bàn, đảm bảo cân đối nguồn chi không để thâm hụt ngân sách; Kết quả: Thu ngân sách ước đạt 2.097 tỷ đồng, bằng 127,6%

¹ Trong năm 2023, thực hiện thẩm định BCKTKT 102 công trình với tổng mức đầu tư 898,96 tỷ đồng (thực hiện cắt giảm 4,72 tỷ đồng). Chấp thuận nghiệm thu 5 công trình, lũy kế 11 tháng chấp thuận nghiệm thu 85 công trình xây dựng cơ bản. cấp GPXD phép 15 công trình, lũy kế 11 tháng cấp GPXD đối với 153 công trình (nhà ở riêng lẻ: 152 công trình, dự án đầu tư: 01 công trình); ban hành Kế hoạch 182/KH-UBND ngày 21/6/2023 về thực hiện Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 05/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

dự toán huyện giao; trong đó thu trên địa bàn 872,8 tỷ đồng, đạt 102,6% dự toán giao (bao gồm số thu tiền sử dụng đất 700 tỷ đồng). Chi ngân sách ước đạt 1.935 tỷ đồng, bằng 133% dự toán huyện giao, trong đó chi thường xuyên 739 tỷ đồng; chi đầu tư XD/CB đạt 928 tỷ đồng.

5. Đầu tư phát triển

Thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh, nhà đầu tư, dân doanh chủ động huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế. Tổng vốn đầu tư phát triển đạt trên 4.280 tỷ đồng, tăng 6,2% so với năm 2022, đạt 100,7% kế hoạch. Vốn nhà nước chiếm 25% tăng 1% so với cùng kỳ; vốn đầu tư của doanh nghiệp chiếm 3,9%; vốn khu vực dân cư chiếm 70%, tăng 1%.

6. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể

Tiếp tục tập trung triển khai Nghị quyết số 105-NQ/TU ngày 28/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025; Xây dựng triển khai kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư nâng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI) năm 2023; tổ chức gặp mặt doanh nghiệp, hợp tác xã nhằm thu hút và đẩy nhanh các hoạt động đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư. Triển khai xây dựng kế hoạch và thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế tập thể, thành lập HTX, đăng ký kinh doanh; tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn;

Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị đẩy nhanh tiến độ GPMB và hoàn thiện hồ sơ đầu tư hạ tầng 02 CCN (CCN Lăng Cao và CCN Đồng Đình). Điều chỉnh tiến độ, mục tiêu, quy mô đầu tư cho 05 dự án đầu tư; có 2 nhà đầu tư thực hiện thủ tục đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (dự án hạ tầng Cụm công nghiệp Ngọc Vân, hạ tầng cụm công nghiệp Ngọc Châu); thành lập mới 80 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn là 659 doanh nghiệp.

7. Các tác động chính đến môi trường

7.1. Hoạt động sinh hoạt khu đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung

Huyện Tân Yên bao gồm 02 thị trấn và 20 xã, mật độ dân số bình quân 882 người/km² và có sự chênh lệch khá lớn giữa các xã, thị trấn; cao nhất là thị trấn Nhã Nam 1.513 người/km² và thấp nhất là xã Liên Chung 647 người/km². Hoạt động từ các hộ dân làm phát sinh nước thải và chất thải rắn sinh hoạt. Ước lượng nước thải sinh hoạt toàn huyện 14.705,2 m³/ngày, lượng rác thải rắn sinh hoạt 56,86 tấn/ngày. Nếu không có biện pháp xử lý đảm bảo sẽ tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

7.2. Hoạt động sản xuất công nghiệp - xây dựng

Sản xuất công nghiệp đạt 102% so với kế hoạch, bằng 118,2% so với cùng kỳ; xây dựng tăng 13,2% so với năm 2022, các hoạt động trong quá trình sản xuất

công nghiệp - xây dựng cũng sẽ gây tác động do chất thải rắn công nghiệp, nguy hại, nước thải, khí thải phát sinh thải ra ngoài môi trường.

Việc xây dựng các dự án hạ tầng kỹ thuật giao thông, khu đô thị, khu dân cư cũng sẽ phát sinh chất thải trong quá trình xây dựng như: phế thải xây dựng, bụi, nước thải, tiếng ồn... ảnh hưởng đến môi trường.

7.3. Hoạt động thương mại, dịch vụ

Giá trị sản xuất Thương mại - Dịch vụ tăng 15,4% so với cùng kỳ do đó cũng sẽ gia tăng hoạt động sản xuất, cung ứng, vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, sản phẩm do đó sẽ phát sinh thêm chất thải trong quá trình sản xuất, lưu thông, tiêu thụ, ảnh hưởng đến môi trường nếu không có biện pháp xử lý đảm bảo sẽ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

7.4. Nông - Lâm nghiệp, thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp, chăn nuôi phát triển ổn định. Tuy nhiên lĩnh vực ngành chăn nuôi của huyện chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu ngành nông nghiệp, song đây cũng là nhân tố có nhiều tác động đến môi trường nhất là lượng nước thải trong chăn nuôi từ các trang trại chăn nuôi gia súc. Ước có khoảng 190.000 con lợn, 19.800 con bò, 3.300 con trâu, do đó lượng nước thải chăn nuôi thải ra môi trường nếu không có biện pháp xử lý tốt sẽ tác động nghiêm trọng đến môi trường nước mặt, thậm chí ảnh hưởng cả nguồn nước ngầm do thẩm thấu vào lòng đất những chất gây ô nhiễm.

7.5. Hoạt động y tế

Trên địa bàn huyện hiện nay có 32 cơ sở khám, chữa bệnh, trong đó có 01 Trung tâm Y tế huyện; 01 bệnh viện phục hồi chức năng của tỉnh, 01 Bệnh viện đa khoa tư nhân, 03 bệnh viện y học cổ truyền tư nhân và 22 Trạm y tế xã, thị trấn và 04 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân. Trong hoạt động khám, chữa bệnh và y tế dự phòng cũng làm phát sinh ra chất thải là tác nhân gây ô nhiễm môi trường (chất thải rắn y tế, nước thải, một số chất thải nguy hại). Tuy nhiên nước thải từ các cơ sở y tế đa phần đều đã được đầu tư hệ thống xử lý tập trung, được xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường. Các chất thải còn lại cơ bản cơ sở y tế đã có phương án xử lý phù hợp như hợp đồng với đơn vị có năng lực để xử lý. Nên chất thải y tế trên địa bàn chưa có nhiều tác động lớn làm suy giảm chất lượng môi trường.

II. BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

1.1. Hiện trạng, tình hình ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí

1.1.1. Hiện trạng, tình hình ô nhiễm môi trường đất

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 20.834,11 ha.

Trong đó:

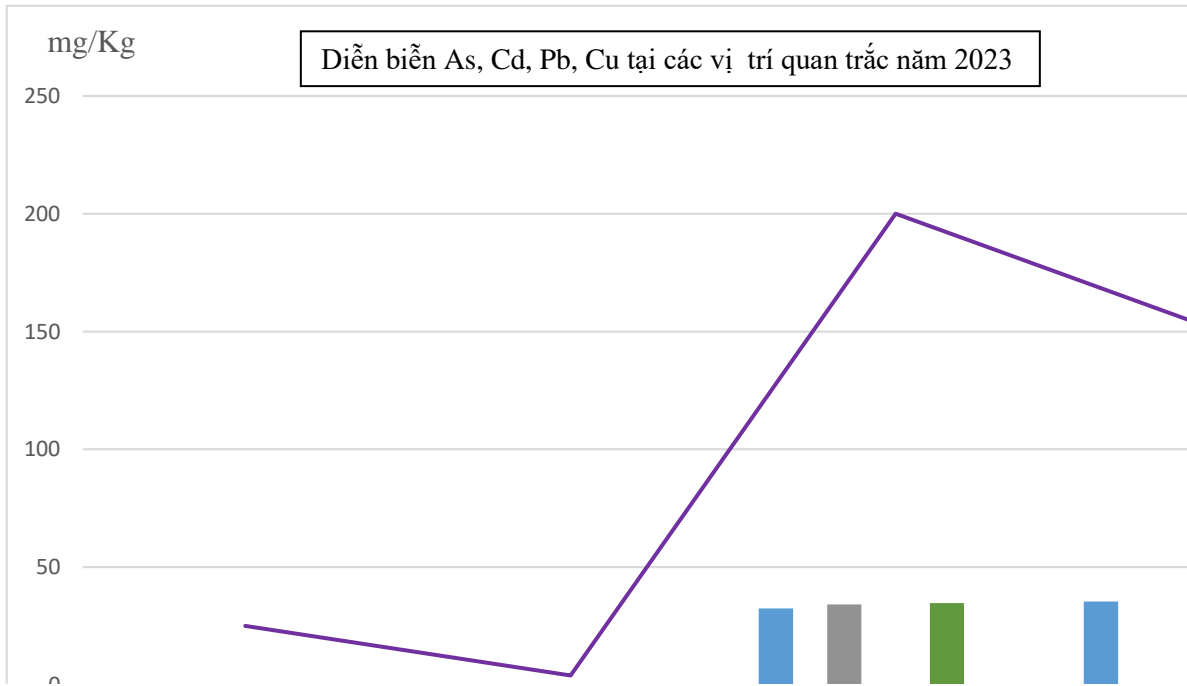
- Diện tích đất sản xuất nông lâm nghiệp: 15.758,01 ha.
- Diện tích đất phi nông nghiệp: 4.997,74 ha.
- Đất chưa sử dụng: 74,88ha.

- Đất rừng: 1.038,95ha

- Các thông số và vị trí lấy mẫu đất tại thời điểm tháng 10/2023 trên địa bàn huyện:

Môi trường Đất					
Thông số quan trắc Thông số cố định: Pb, Cd, As, Cu Ngoài ra, có thể bổ sung các thông số khác theo Quy chuẩn môi trường đất hiện hành					
STT	Tên quan trắc	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu		Tần suất
			E	N	
1	Mẫu đất lấy tại đồng Dộc Thành Hoàng, thôn Ba Làng, xã Quế Nham	Đ01	21 ⁰ 24'47,34''	106 ⁰ 6'43,36''	1
2	Mẫu đất lấy tại cánh đồng bờ Hôi, thôn Sáu, xã Liên Chung	Đ02	21 ⁰ 21'52,28''	106 ⁰ 10'35,68''	1
3	Mẫu đất lấy tại cánh đồng thôn Hậu, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Đ03	21 ⁰ 22'23,45''	106 ⁰ 6'21,34''	1
4	Mẫu đất lấy tại cánh đồng Mô làng Cao Thương, thị trấn Cao Thương	Đ04	21 ⁰ 23'16,27''	106 ⁰ 8'48,19''	1
5	Mẫu đất lấy tại cánh đồng thôn Đọ, xã Đại Hòa	Đ05	21 ⁰ 25'10,45''	106 ⁰ 3'24,32''	1
6	Mẫu đất tại cánh đồng Vải Thiều thôn Phúc Đình, xã Phúc Hòa	Đ06	21 ⁰ 25'34,26''	106 ⁰ 9'16,36''	1
7	Mẫu đất tại cánh đồng thôn Tân An, xã Lam Cốt	Đ07	21 ⁰ 24'34,16''	106 ⁰ 4'18,23''	1
8	Mẫu đất lấy tại cánh đồng thôn Bùi trước cửa trung tâm y tế xã Song Vân	Đ08	21 ⁰ 23'4,22''	106 ⁰ 3'25,48''	1

Qua kết quả quan trắc chất lượng môi trường đất tại 10 vị trí quan trắc ở thời điểm tháng 10/2023 cho thấy đất nông nghiệp chưa có dấu hiệu ô nhiễm bởi các yếu tố kim loại nặng (Cu, Pb, Cd, As),... Các thông số phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 03: 2023/BTNMT (đất nông nghiệp).



Hình 1. Diễn biến ô nhiễm của As, Cd, Pb, Cu tại các vị trí lấy mẫu đất

Đánh giá chung: Chất lượng môi trường đất trên địa bàn huyện vẫn duy trì ổn định, không có dấu hiệu tăng, giảm khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn. Chất lượng môi trường đất chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

1.1.2. Hiện trạng, tình hình ô nhiễm môi trường nước mặt và nước mặt tại các vị trí tiếp nhận nguồn thải tập trung

* *Hiện trạng, diễn biến môi trường nước mặt (kênh, ngòi, sông):*

Chất lượng môi trường nước kênh, ngòi khu vực: Kênh tiêu, ngòi thoát nước trên địa bàn là nơi tiếp nhận nước thải, chất thải của khu dân cư và hoạt động sản xuất trên địa bàn.

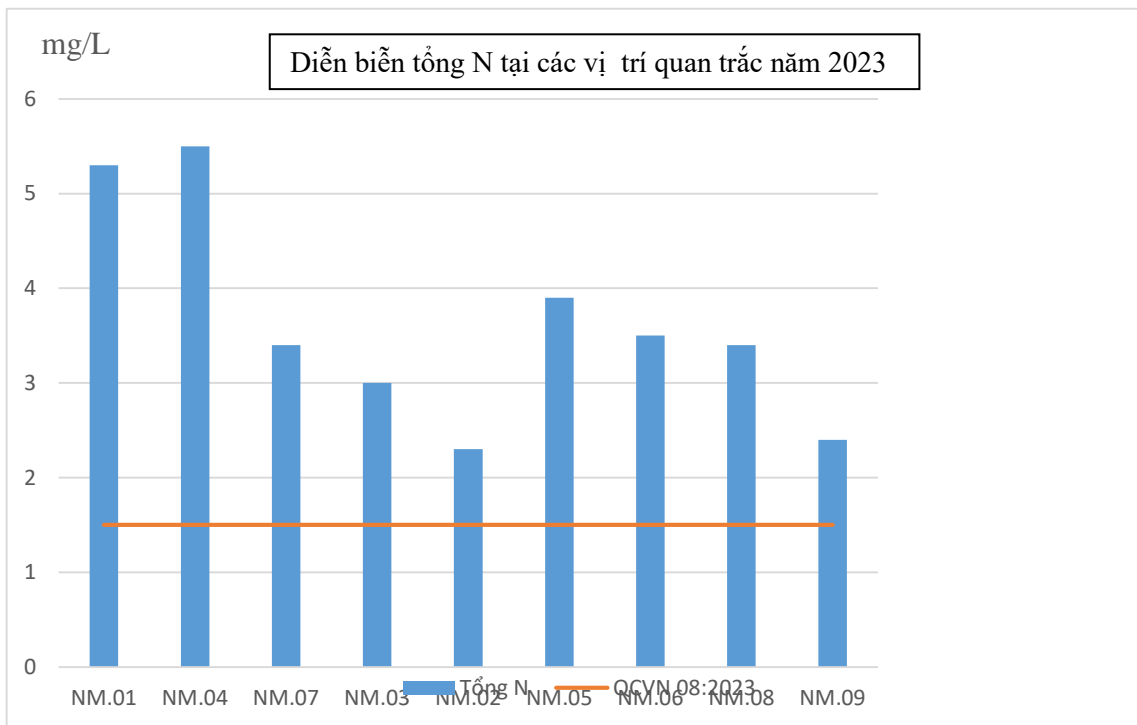
- Các thông số vị trí lấy mẫu nước mặt (kênh, ngòi, sông) trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

Môi trường nước mặt					
Thông số quan trắc pH, BOD ₅ , COD, DO, TDS, Độ dẫn điện, Kim loại nặng (Fe, Mn, Pb, Cu, Zn, Cd, Hg, As), Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni, Nitrat, Nitrit, Photphat, Clorua (Cl ⁻), Nito Tổng, Photpho tổng, Sulfat, Tổng Dầu, mỡ, Coliform. Các thông số khác theo Quy chuẩn môi trường nước dưới đất hiện hành.					
STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu		Tần suất
			X	Y	
1	Nước mặt lấy tại kênh chính đoạn chảy qua thôn 284 xã Quế Nham	NM.01	2358507	412104	1

2	Nước mặt lấy tại ngòi cầu Bến Quýt xã An Dương	NM.04	2368338	403472	1
3	Nước mặt lấy tại ngòi Thông Thốc đoạn chảy qua thôn Trung Tiến, xã Song Vân	NM.07	2363033	402093	1
4	Nước mặt lấy tại ngòi cầu Đen 2 đoạn chảy qua thôn Trại Han, xã Quang Tiến	NM.03	2366965	399734	2
5	Nước mặt lấy tại kênh 5 đoạn chảy qua khu Đông, thị trấn Cao Thượng	NM.02	2369225	403737	1
6	Nước mặt lấy tại ngòi cầu Liêng, đoạn chảy qua thôn Phúc Đình, xã Phúc Hoà	NM.05	2368154	403182	1
7	Nước mặt lấy tại sông Thương, đoạn chảy qua thôn Lục Liễu, xã Hợp Đức	NM.06	2364527	409696	1
8	Nước mặt lấy tại ngòi cầu Xi đoạn qua thôn Cầu Xi xã Ngọc Châu	NM.08	2371581	403111	1
9	Nước mặt lấy tại ngòi cầu Đồng, đoạn qua thôn cầu Đồng 9, Ngọc Lý	NM.09	2364113	402276	1

Qua kết quả quan trắc đánh giá chất lượng nước mặt tháng 10/2023 đối với 9 vị trí trên các kênh, ngòi, trên địa bàn cho thấy tại một số vị trí như nước mặt tại kênh chính đoạn chảy qua thôn 284 xã Quế Nham, tại ngòi cầu Bến Quýt xã An Dương và tại ngòi Thông Thốc đoạn chảy qua thôn Trung Tiến, xã Song Vân đã có dấu hiệu bị ô nhiễm bởi một số thông số hữu cơ, vi sinh vật. Các thông số đo, phân tích như Chất rắn lơ lửng, Nhu cầu oxy sinh học (BOD₅), Nitrit, Amoni có giá trị cao hơn giới hạn cho phép so với QCVN 08: 2023/BTNMT.

Nguyên nhân: Do nước thải của một số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, khu dân cư, khu đô thị,... chưa được xử lý triệt để gây tích tụ, ô nhiễm môi trường cục bộ



Hình 2. Diễn biến ô nhiễm của tổng N tại các vị trí lấy mẫu nước mặt

1.1.3. Hiện trạng và diễn biến môi trường nước dưới đất

Chất lượng nước dưới đất tại 10 vị trí, Kết quả quan trắc tháng 10/2023, cho thấy Các thông số đo, phân tích cơ bản được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT cụ thể như sau:

- Nước giếng khoan hộ gia đình ông Lê Văn Chung, khu Đồi Đỏ, thị trấn Cao Thượng: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Nước giếng khoan hộ gia đình bà Thân Thu Thủy, thôn Bãi Trại, xã Lan Giới: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Nước giếng khoan nhà ông Trần Quang Đạo, tổ dân phố Bãi Ban, thị trấn Nhã Nam: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Nước giếng khoan nhà ông Đông Văn Phái, Tân An, xã Lam Cốt: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Nước giếng khoan uỷ ban nhân dân xã Liên Sơn: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Nước giếng khoan nhà bà Ngô Thị Việt, thôn Lân Thịnh, xã Phúc Hoà: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Nước giếng khoan hộ gia đình ông Triệu Viết Dũng, thôn Ngàn Ván, xã An Dương: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Nước giếng khoan hộ gia đình Lê Hoài Nam, thôn Tân Lập, xã Ngọc Thiện: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Nước giếng khoan trạm y tế xã Ngọc Châu: Các thông số đo, phân tích được đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT.

- Nước giếng khoan hộ gia đình Nguyễn Thị Yên, thôn Cầu Đồng, xã Ngọc Lý (NDD.10: có Amoni vượt 1,72 lần so với QCVN. Các thông số đo, phân tích còn lại đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 09:2023/BTNMT.

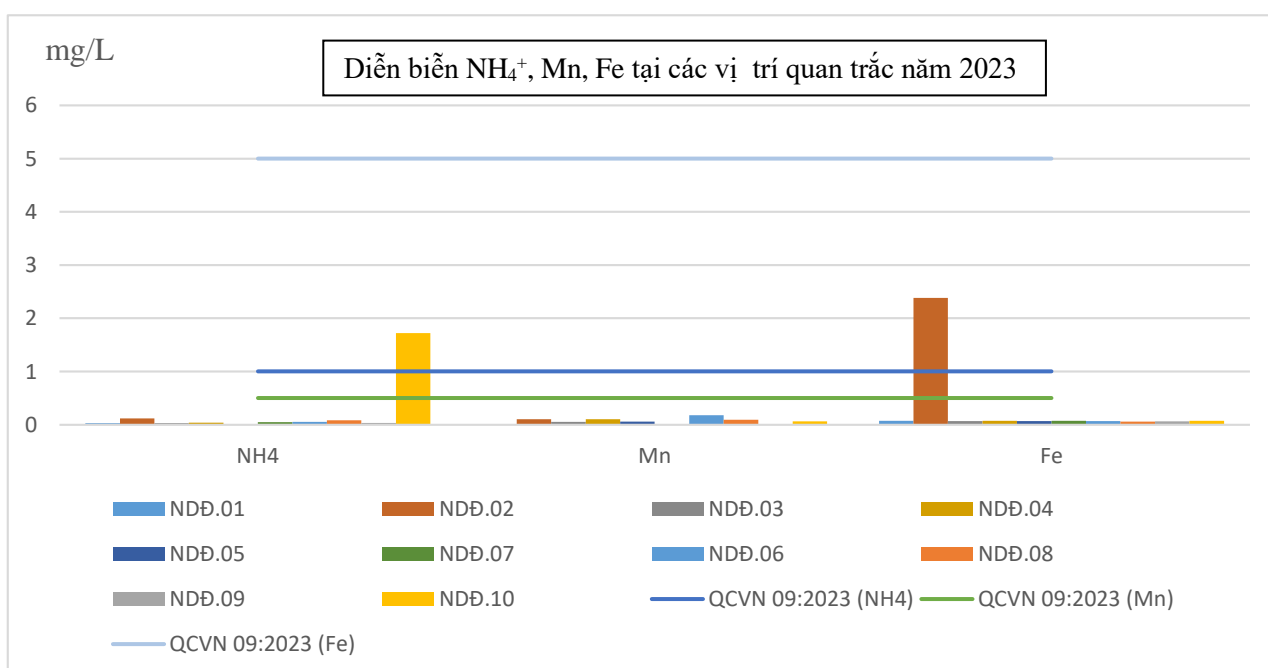
- Thông số, vị trí các điểm lấy mẫu nước dưới đất trên địa bàn huyện:

Môi trường nước dưới đất					
STT	Tên địa điểm quan trắc	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu		Tần suất
			X	Y	
Thông số quan trắc Thông số cố định: pH, Độ cứng, Chất rắn lơ lửng (SS), Cl ⁻ , NO ₂ , NO ₃ ⁻ , NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ , SO ₄ ²⁻ , Cr6, Fe, Cu, Zn, Mn, Coliform - Các thông số khác theo Quy chuẩn về môi trường nước dưới đất hiện hành.					
1	Nước dưới đất lấy tại giếng khoan hộ gia đình ông Lê Văn Chung, khu Đồi Đỏ, thị trấn Cao Thượng.	NDD01	2365959	409293	1
2	Nước dưới đất lấy tại hộ gia đình bà Thân Thu Thủy, thôn Bãi Trại, xã Lan Giới.	NDD02	2373135	402093	1
3	Nước dưới đất lấy tại giếng khoan nhà ông Trần Quang Đạo, tổ dân phố Bãi Ban, thị trấn Nhã Nam.	NDD03	2372240	406227	1
4	Nước dưới đất lấy tại giếng khoan nhà ông Đồng Văn Phái, Tân An, xã Lam Cốt.	NDD04	2368172	403673	1
5	Nước dưới đất lấy tại giếng khoan uỷ ban nhân dân xã Liên Sơn.	NDD05	2368863	407459	1
6	Nước dưới đất lấy tại giếng khoan hộ gia đình ông Triệu Viết Dũng, thôn Ngàn Ván, xã An Dương.	NDD07	2368343	403485	1
7	Nước dưới đất lấy tại giếng khoan nhà bà Ngô Thị Việt, thôn Lân Thịnh, xã Phúc Hoà	NDD06	2368342	410413	1
8	Nước dưới đất lấy tại giếng khoan hộ gia đình Lê Hoài Nam, thôn Tân Lập, xã Ngọc Thiện.	NDD08	2362283	404101	1
9	Nước dưới đất lấy tại giếng khoan	NDD09	2364526	405077	1

	trạm y tế xã Ngọc Châu.				
10	Nước dưới đất lấy tại giếng khoan hộ gia đình Nguyễn Thị Yên, thôn Cầu Đồng, xã Ngọc Lý.	NDD10	2361061	407261	1

Đánh giá chung về chất lượng môi trường nước dưới đất: Diễn biến chất lượng môi trường nước dưới đất cơ bản chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm. Tuy nhiên, chất lượng nước dưới đất tại 01 vị trí quan trắc bị ô nhiễm bởi thông số: Amoni với mức vượt quy chuẩn cho phép là 1,72 lần.

Nguyên nhân dẫn tới ô nhiễm tại điểm nêu trên: Là do gần vị trí giếng khoan (cách 10m) có các nguồn thải sinh hoạt... Đây là tác nhân tác động ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước dưới đất của hộ dân (nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt ở gần khu vực giếng khoan chưa được xử lý đảm bảo, đã tích đọng lâu dài ngấm vào mạch nước ngầm từ đó ảnh hưởng đến chất lượng nước dưới đất của hộ dân).



Hình 4. Diễn biến ô nhiễm của NH₄⁺, Mn, Fe tại các vị trí lấy mẫu nước dưới đất

1.1.4. Hiện trạng và diễn biến môi trường không khí

- Các vị trí lấy mẫu không khí trên địa bàn huyện tập trung tại các điểm nút giao thông các phương tiện giao thông đông đúc, tại các khu vực công nghiệp đang hoạt động:

Môi trường không khí xung quanh					
STT	Tên địa điểm quan trắc	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu		Tần suất
			X	Y	
	Thông số quan trắc Thông số cố định: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn trung bình, hướng gió, vận tốc gió, tổng bụi lơ lửng, CO, SO ₂ , NO ₂ . Ngoài ra có thể quan trắc các thông số khác theo Quy chuẩn về môi				

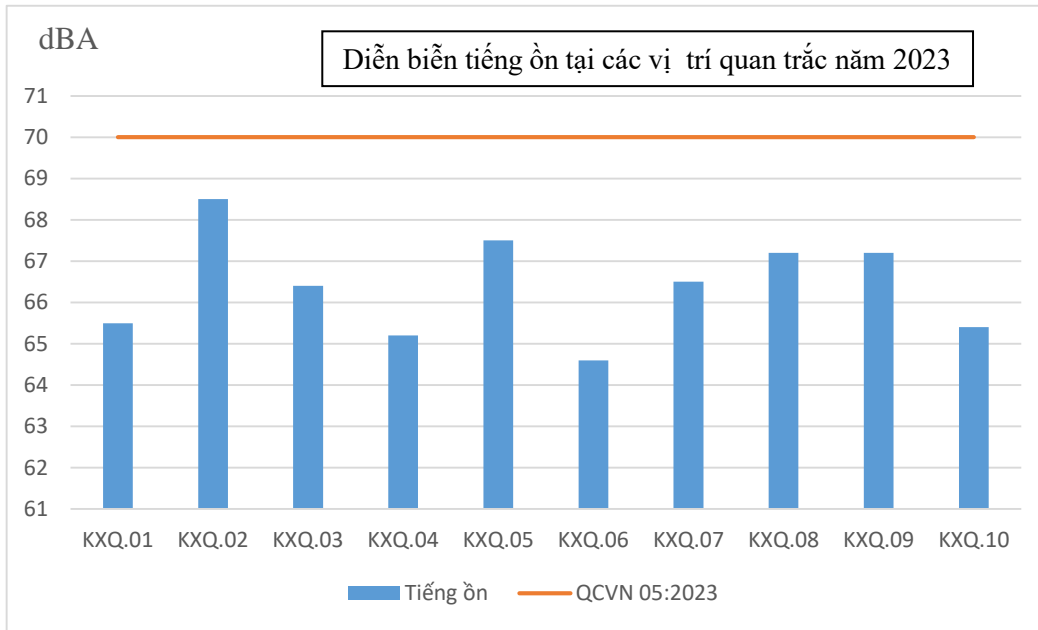
	trường không khí hiện hành.				
1	Khí xung quanh lấy tại đường nội cụm công nghiệp Đồng Đình, cách công ty Hands Hands 100m về phía Tây	KK01	2365309	409486	1
2	Khí xung quanh lấy tại ngã ba bưu điện thị trấn Cao Thượng	KK02	2366026	409328	1
3	Khí xung quanh lấy tại đường tỉnh lộ 294, cách công uỷ ban thị trấn Nhã Nam 100m về phía Bắc	KK03	2372245	406262	1
4	Khí xung quanh lấy tại khu vực cầu Lữ Vân, xã Phúc Sơn	KK04	2369681	402138	1
5	Khí xung quanh lấy tại khu ngã ba Đình Nèo, xã Liên Sơn	KK05	2365948	410402	1
6	Khí xung quanh lấy tại ngã ba thôn Lân Thịnh, xã Phúc Hoà	KK06	2368839	410402	1
7	Khí xung quanh lấy tại khu vực cầu Bến Tuần, xã Hợp Đức (ngã ba ngay dưới chân cầu thôn Lục Liễu)	KK07	2366746	413874	1
8	Khí xung quanh lấy tại khu vực thôn Đầm Lác (thôn Việt Hùng mới), xã Việt Ngọc	KK08	2367043	399390	1
9	Khí xung quanh lấy tại ngã ba đường vào nhà văn hoá thôn Khánh Linh, cách nhà văn hoá 100m về phía Nam (thuộc xã Ngọc Châu)	KK09	2364531	405088	1
10	Khí xung quanh lấy tại khu vực cầu Đồng, thôn Cầu Đồng 9, xã Ngọc Lý	KK10	2361004	407139	1

Nhìn chung chất lượng không khí trên địa bàn huyện khá tốt. Kết quả quan trắc (tháng 10/2023) tại 10 vị trí trên địa bàn chủ yếu tập trung ở các khu vực giao thông, đô thị, khu dân cư và Cụm công nghiệp. Kết quả quan trắc cho thấy các thông số vô cơ (NO_2 ; SO_2 ; CO), nhóm các thông số vật lý (tiếng ồn), các yếu tố bụi (bụi TSP), các yếu tố vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió) đều nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ) và QCVN 26: 2010/BTNMT:

- Nhóm các thông số độc hại (NO_2 ; SO_2 ; CO ; O_3): Chưa có dấu hiệu ô nhiễm tại vị trí quan trắc.

- Nhóm thông số vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm): Biến động theo mùa theo quy luật tự nhiên.

- Nhóm thông số Bụi (Bụi TSP) và tiếng ồn: hàm lượng phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép.



Hình 5. Diễn biến tiếng ồn tại các vị trí lấy mẫu không khí trên địa bàn

1.2. Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Trên địa bàn huyện chưa có di sản thiên nhiên được cấp có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật.

- Hiện trạng độ che phủ rừng: Tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn toàn huyện tính đến nay là: 1.038,952 ha, độ che phủ rừng 4,987%.

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được tập trung chỉ đạo, tăng cường triển khai thực hiện trồng mới 56,2 ha.

- Hiện trạng đa dạng sinh học: Đến nay các loài động, thực vật trên địa bàn huyện phát triển ổn định, không có sự biến động đáng kể. Huyện đang bảo tồn và phát triển loài cây Sâm Nam Núi Dành, diện tích trồng mới được 115ha.

2. Tình hình, kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế, quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường

Năm 2023, UBND huyện tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn, cụ thể:

- Công văn số 205/UBND-TNMT ngày 07/02/2023 về việc tăng cường công tác thu gom, xử lý rác thải sau dịp Tết Nguyên đán, mùa Lễ hội xuân năm 2023;

- Công văn số 389/UBND-TNMT ngày 06/3/2023 về việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ để tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện;

- Công văn số 531/UBND-TNMT ngày 21/3/2023 về việc chỉ đạo tổ chức hưởng ứng các ngày về môi trường năm 2023.

- Công văn số 1008/UBND-TNMT ngày 19/5/2023 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Quốc tế đa dạng sinh học 22/5/2023;

- Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 25/5/2023 về tổ chức phát động “Tháng hành động vì môi trường”, hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 05/6/2023 trên địa bàn huyện Tân Yên;

- Công văn số 1666/UBND-TNMT ngày 11/8/2023 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện;

- Công văn số 1873/UBND-TNMT ngày 06/9/2023 về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn năm 2023.

- Chỉ đạo tuyên truyền thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh huyện trong đó có nội dung về thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn; 100% thôn, TDP có hương ước, quy ước trong đó bổ sung nội dung quy định về công tác bảo vệ môi trường. Thực hiện phê duyệt lại quy chế, quy ước, hương ước cho các thôn, bản, khu phố trên địa bàn.

2.2. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật, kết quả thanh tra, kiểm tra, thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường

- Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với 05 doanh nghiệp trên địa bàn huyện theo kế hoạch đã được phê duyệt; Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ sửa chữa khắc phục sự cố lò đốt rác tại thị trấn Nhã Nam; tháo gỡ vướng mắc lập thủ tục môi trường để chuyển mục đích sử dụng đất 24 dự án khu dân cư dưới 2,0 ha và các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khác; Chỉ đạo xử lý dứt điểm 04 bến bãi kinh doanh cát, sỏi trái phép tại địa bàn xã Hợp Đức, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản; giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong cấp phép, lập hồ sơ thuê đất các dự án khai thác khoáng sản.

- Công tác thu gom xử lý rác thải đã được thực hiện có hiệu quả từ huyện đến cơ sở.

- 100% các dự án mới đã đăng ký và được xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, một số cơ sở SXKD đã hoàn thiện lập đề án bảo vệ môi trường.

- Trong cụm công nghiệp và dịch vụ Đồng Đình, Lãng Cao, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ đều có quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Đề án BVMT chi tiết, Bản cam kết bảo vệ môi trường...; các cơ sở đều đã đăng ký thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng; thực hiện lập báo cáo quan trắc phân tích môi trường định kỳ, ký hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt với HTX DV VSMT Cao Thượng, thị trấn Nhã Nam, An Dương, Ngọc Vân; các cơ sở đã có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; một số cơ sở đã nghiêm túc đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải, nước thải sản xuất trước khi thải ra ngoài môi trường.

2.3. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường

Công tác tuyên truyền: Chỉ đạo triển khai các hoạt động hưởng ứng Tháng hành động vì môi trường năm 2023, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn năm

2023, căng treo 110 băng don tuyên truyền về bảo vệ môi trường; Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh tổ chức 01 hội nghị tuyên truyền pháp luật về BVMT liên huyện Tân Yên - Yên Thế - Hiệp Hòa, 01 hội nghị tuyên truyền cho 22 xã thị trấn cho 180 đại biểu dự; Phối hợp Hội LHPN huyện tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về thu gom, phân loại xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình cho cán bộ, hội viên HPN và nhân dân tại 06 xã Lam Cốt, Phúc Sơn, Liên Sơn, Ngọc Vân, An Dương, Cao Xá.

- Chỉ đạo chính quyền cơ sở tổ chức tập huấn kiến thức bảo vệ môi trường, hướng dẫn thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt đúng quy định tại 22 xã, thị trấn và trao tặng 5.950 sọt, thùng đựng rác, 500 gói chế phẩm sinh học xử lý rác thải hữu cơ trị giá 147,5 triệu đồng.

2.4. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

2.4.1. Tỷ lệ các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (CCN), làng nghề có hệ thống nước thải tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; tỷ lệ nước thải đô thị, nước thải nông thôn được thu gom, tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh có trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và môi trường theo quy định:

- Đối với các CCN: Hiện nay trên địa bàn có 01 CCN Đồng Đình đang hoạt động; 01 cụm công nghiệp Lãng Cao chưa hoạt động. CCN Đồng Đình hiện có 9 doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh. Tổng lượng nước thải phát sinh khoảng 175m³/ngày. CCN này chưa đầu tư xây dựng Trạm thu gom, xử lý nước thải tập trung mà xử lý qua hồ điều hòa; Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp đều đã có Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch BVMT và tự đầu tư hệ thống xử lý nước thải riêng trước khi xả thải vào hệ thống chung. Đối với CCN Lãng Cao chưa hoạt động, tuy nhiên CCN đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đồng bộ với các hạ tầng kỹ thuật khác theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Làng nghề: Huyện hiện có 03 làng nghề: Làng nghề mỳ Châu Sơn, xã Ngọc Châu; Làng nghề làm chổi chít Đông Am Vàng, Nội Hạc, xã Việt Lập. Trong đó 3/3 làng nghề đã có phương án bảo vệ môi trường. Nước thải tại các hộ dân được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, bể biogas tại gia đình và đổ thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với các khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung: Một số cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung nằm ngoài CCN đã tự xây dựng công trình xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN cho phép trước khi xả vào môi trường tiếp nhận.

- Khu vực đô thị: Huyện có 02 thị trấn (thị trấn Cao Thượng, thị trấn Nhã Nam), hiện nay đã lập quy hoạch khu xử lý nước thải tập trung của thị trấn nhưng chưa được đầu tư công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung.

- Khu vực nông thôn: Cơ bản nước thải sinh hoạt được các hộ gia đình thu gom bằng bể tự hoại; nước thải chăn nuôi được thu gom bằng bể biogas xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Việc lắp đặt các trạm quan trắc tự động: Trên địa bàn có 02 cụm công nghiệp Đồng Đình và Lăng Cao thuộc đối tượng phải lắp đặt trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền giữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường, hiện nay chủ đầu tư CCN Lăng Cao đang đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải, CCN Đồng Đình đang thực hiện giải phóng mặt bằng mở rộng để đầu tư trạm xử lý.

2.4.2. *Tổng hợp số liệu các nguồn ô nhiễm (các đô thị, khu dân cư tập trung; các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; các CCN; các làng nghề các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn; các nguồn ô nhiễm khác...):* Tại Phụ lục I kèm theo.

2.5. Quản lý chất thải và phế liệu

2.5.1. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

* Tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn là 20.754 tấn/năm. Trong đó:

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị: 4.899,6 tấn/năm;

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn: 15.854,4 tấn/năm.

* Khối lượng CTRSH được thu gom, vận chuyển: 19.412 tấn/năm đạt 93,5%, trong đó:

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, vận chuyển: 4.826 tấn/năm đạt 98,5%.

+ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, vận chuyển: 13.586 tấn/năm đạt 92 %.

* Khối lượng CTRSH được xử lý: 18.246 tấn/năm đạt 95,4%, trong đó:

+ Chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý: 4.681 tấn/năm đạt 97%.

+ Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được xử lý: 13.565 tấn/năm đạt 93%.

* Công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn:

- Thu gom, vận chuyển rác thải ở khu vực thị trấn Cao Thượng, thị trấn Nhã Nam: Công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn do Hợp tác xã VSMT thị trấn thực hiện thu gom, vận chuyển về lò đốt công nghệ cao để xử lý.

- Thu gom, vận chuyển rác thải ở khu vực nông thôn: Rác thải sinh hoạt tại khu vực nông thôn được các hợp tác xã, Tổ vệ sinh môi trường của xã, thôn thu gom, vận chuyển về lò đốt rác xã những địa phương có lò (An Dương, Ngọc Vân, Việt Lập và thị trấn Nhã Nam); Một số xử lý đốt thủ công và chôn lấp tại khu xử lý tập trung của thôn, xã.

- Hàng tháng, UBND huyện chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức phát động nhân dân ra quân chiến dịch VSMT với phong trào “Ngày thứ 7 xanh, ngày Chủ nhật sạch” phát quang hành lang giao thông, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường trên địa bàn.

* Số cơ sở xử lý CTRSH: Hiện có 05 cơ sở xử lý CTRSH là: Lò đốt rác thải sinh hoạt xã An Dương, Ngọc Vân, Việt Lập, thị trấn Nhã Nam đang hoạt động và Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Quế Nham (chuẩn bị đưa vào hoạt động).

2.5.2. *Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):*

Lượng chất thải phát sinh khoảng 169 tấn/năm, phát sinh tại các cơ sở sản xuất công nghiệp. Các cơ sở sản xuất công nghiệp đều bố trí khu lưu giữ tạm thời và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý. Hiện tại, trên địa bàn huyện chưa có khu xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.5.3. *Quản lý chất thải nguy hại (CTNH)*

Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 15 tấn/năm, phát sinh tại các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế. Các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế đều bố trí khu lưu giữ tạm thời và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý. Hiện tại, trên địa bàn huyện chưa có khu xử lý chất thải nguy hại.

2.5.4. *Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất*

- Trên địa bàn huyện chưa có đơn vị được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

- Tổng hợp số liệu về công tác quản lý chất thải và phế liệu tại Phụ lục II kèm theo.

2.6. *Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường*

2.6.1. *Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước (lưu vực sông, nước mặt, nước biển,...); Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất; Quản lý, cải thiện chất lượng không khí.*

* *Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước*

Hàng năm huyện thực hiện lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt, nước ngầm nhằm đánh giá chất lượng môi trường nước sông chảy qua địa bàn, đánh giá chất lượng nước ao hồ, nguồn nước ngầm trong lòng đất. Trên cơ sở đó nhằm phát hiện các khu vực có dấu hiệu ô nhiễm để kịp thời đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu. Hạn chế xả nước thải chưa được xử lý vào các khu vực nước sông, hồ đã có dấu hiệu ô nhiễm.

Các dự án đầu tư xây dựng khu dân cư, khu đô thị trên địa bàn được thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp phép môi trường đều được yêu cầu đầu tư hạ tầng kỹ thuật về xử lý nước thải hoặc đấu nối với hạ tầng kỹ thuật xử lý nước thải của khu vực, đảm bảo khi dự án đi vào hoạt động thì toàn bộ nước thải đều được xử lý đạt Quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

* *Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất*

Trên địa bàn huyện Tân Yên không có điểm tồn lưu thuốc bảo vệ thực vật nằm trong “Danh mục điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng” được ban hành kèm theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Tuy nhiên, hoạt động sản xuất nông nghiệp, cây ăn quả còn phát sinh một lượng các bao bì, vỏ chai đựng hóa chất bảo vệ thực vật. Đây cũng là một trong các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất. UBND huyện chỉ đạo các cơ quan truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai nhiều mô hình như "Giảm thiểu rủi ro do thuốc bảo vệ thực vật và sản xuất rau, cây ăn quả an toàn theo hướng VietGAP, GlobalGap" giúp hạn chế việc sử dụng thuốc BVTV từ đó hạn chế ô nhiễm môi trường đất do hóa chất thuốc bảo vệ thực vật gây ra.

** Quản lý, cải thiện chất lượng không khí*

Thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ có phát sinh lưu lượng khí thải lớn như: Nhà máy sản xuất gạch, các khu vực xử lý rác thải sinh hoạt (phương pháp đốt)... việc xây dựng lắp đặt các công trình biện pháp thu gom, xử lý khí thải nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do khí thải đến môi trường. Tuyên truyền đến các hộ dân không xử lý chất thải nông nghiệp bằng phương pháp đốt mà tận dụng ủ làm phân hữu cơ.

Thường xuyên cải tạo, duy trì cây xanh đường phố hiện có, kết hợp xã hội hoá trồng cây xanh tại các khu dân cư, khu công cộng trên địa bàn. Đầu tư xây dựng và trồng cây xanh tại các khuôn viên cây xanh nhỏ lẻ phân tán tại các khu dân cư, khu đô thị mới.

Phong trào “*Trồng một tỷ cây xanh*” do Thủ tướng phát động đã được triển khai sâu rộng trên địa bàn huyện, được các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và nhân dân trên địa bàn đồng thuận, tích cực hưởng ứng. Kết quả trồng đến nay đã trồng được 338.120 cây/343.300 cây (đạt 98,5% KH) bao gồm các loại cây bóng mát, cây phân tán tại các khu công cộng, trường học, nhà văn hóa, đường thôn/TDP, nghĩa trang...

2.6.2. Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường; tỷ lệ các khu vực môi trường bị ô nhiễm được xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường

Các doanh nghiệp đã được cấp phép khai thác khoáng sản đều đã thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường một phần (trường hợp ký quỹ làm nhiều lần) hoặc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường hoàn toàn cho toàn bộ thời gian khai thác theo quy định của pháp luật. Hiện nay các mỏ đều đang trong thời gian khai thác do vậy chưa tiến hành cải tạo phục hồi môi trường.

Theo rà soát đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn không có khu vực môi trường bị ô nhiễm được xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường.

2.6.3. Số liệu về tình hình phát sinh, thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trên địa bàn tại Phụ lục III kèm theo.

2.7. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.7.1. Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong năm 2023

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức 02 hội nghị tập huấn Luật Bảo vệ môi trường 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; tập huấn phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Tiếp tục chỉ đạo nâng cao năng lực trong công tác thẩm định hồ sơ môi trường theo thẩm quyền.

- Yêu cầu các cơ sở sản xuất thực hiện đầu tư công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm trong công tác BVMT các dự án, cơ sở sản xuất, nhất là kiểm tra đột xuất các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường huyện làm cơ sở quản lý và đề xuất các biện pháp xử lý phù hợp.

- Tiếp tục bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả phối hợp công tác giữa các cấp, các ngành và giải quyết vấn đề môi trường bức xúc trên địa bàn.

- Các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn đều xây dựng cho mình biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo tình huống có thể xảy ra.

2.7.2. Kết quả thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường (số lượng các sự cố xảy ra trong năm và việc ứng phó, xử lý).

Trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện tại không xảy ra sự cố môi trường.

2.7.3. Kết quả xử lý các thông tin, phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường trên địa bàn

Năm 2023, tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân trên địa bàn, UBND huyện đã chỉ đạo kiểm tra, xác minh, giải quyết kịp thời 02 kiến nghị của công dân. Đối với các kiến nghị của cử tri, UBND huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn kiểm tra, xem xét giải quyết và báo cáo kết quả giải quyết tại các kỳ tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND huyện.

2.8. Việc di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (nếu có); lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung

Hiện nay việc hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung, làng nghề và đời sống sinh hoạt của người dân địa phương vẫn ổn định, do đó UBND huyện chưa có kế hoạch di dời hoặc chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

2.9. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học

Thực hiện Luật Đa dạng sinh học, Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo tồn thiên nhiên đa dạng sinh học, bảo vệ phát triển rừng trồng nâng cao độ che phủ rừng; tăng cường các biện pháp phòng chống cháy rừng; quản lý chặt chẽ quỹ đất lâm nghiệp, hạn chế chuyển đổi mục đích đất lâm nghiệp sang các mục đích khác. Tiếp tục phát triển một số mô hình nông - lâm

kết hợp, khai thác đất gò đồi chưa sử dụng vào trồng rừng, trồng cây ăn quả, cây dược liệu có giá trị.

Bảo vệ, giữ gìn các giống loài và nguồn gen bản địa, quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu các sinh vật ngoại lai. Đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn động vật hoang dã, ngăn chặn nạn săn bắt, tiêu thụ các loài động vật hoang dã quý hiếm. Bảo tồn các giống, loài động, thực vật của địa phương có giá trị; bảo quản và giữ gìn lâu dài nguồn gen của các loài được ưu tiên bảo vệ, các nguồn gen quý, hiếm. Có chính sách phát triển các giống cây trồng đặc sản của địa phương (vú sữa, vải sớm, sâm nam, măng, ổi...), các loại giống có ưu điểm về chống chịu sâu, dịch bệnh và khả năng thích nghi với điều kiện thời tiết dị thường.

3. Điều kiện và nguồn lực bảo vệ môi trường

3.1. Nguồn nhân lực

- Ở cấp huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu giúp UBND huyện quản lý Nhà nước về lĩnh vực môi trường. Có 01 Trưởng phòng, 03 Phó Trưởng phòng, 02 chuyên viên trong đó phân công 01 đồng chí lãnh đạo phụ trách lĩnh vực môi trường – khoáng sản – tài nguyên nước.

- Ở cấp xã: Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm chú trọng. Công chức Địa chính - Xây dựng được phân công tham mưu giúp UBND cấp xã trong công tác quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn. Cán bộ cấp xã đều được đào tạo chuyên ngành về quản lý đất đai, môi trường.

3.2. Nguồn lực tài chính

- Tổng kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường: 5,942 tỷ đồng, trong đó:
- + Kinh phí từ nguồn sự nghiệp môi trường giao: 3,232 tỷ đồng.
- + Kinh phí hỗ trợ hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND: 2,78 tỷ đồng.

4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê về môi trường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính kết quả năm 2023
1	Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch (nước hợp vệ sinh)		
	- Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch	%	75
	- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước HVS	%	99,9
2	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	98,5
3	Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh	%	97
4	Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử	%	50

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước tính kết quả năm 2023
	lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường		
5	Tỷ lệ che phủ rừng (không tính CAQ)	%	5,0%

5. Đánh giá chung

5.1. Ưu điểm

Công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường được huyện triển khai thường xuyên, dưới nhiều hình thức phong phú, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cán bộ, các tổ chức, cá nhân và trong việc bảo vệ môi trường trên địa bàn, đồng thời, khuyến khích người dân tham gia phát hiện và đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công tác kiểm tra việc chấp hành chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn được quan tâm và duy trì thường xuyên; Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường được tăng cường.

Đã quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật xử lý môi trường nhất là các lò và hệ thống phụ trợ của lò đốt rác thải công nghệ cao.

Duy trì thực hiện tốt Đề án thu gom, phân loại, xử lý rác thải theo chỉ đạo của cấp trên nên công tác thu gom, phân loại, xử lý rác thải đã dần đi vào nền nếp nhất là phong trào “Thứ 7 xanh, chủ nhật sạch” nhiều địa phương duy trì thường xuyên, có hiệu quả.

Chỉ đạo 100% các dự án mới đã đăng ký và được xác nhận đăng ký giấy phép môi trường.

Trong cụm công nghiệp và dịch vụ Đồng Đình, Lăng Cao, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ đều có Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Đề án BVMT chi tiết, Bản cam kết bảo vệ môi trường...; các cơ sở đều đã đăng ký thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại với đơn vị có chức năng; thực hiện lập báo cáo quan trắc phân tích môi trường định kỳ, ký hợp đồng vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt với HTX DV VSMT; các cơ sở đã có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt; một số cơ sở đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải, nước thải trước khi thải ra ngoài môi trường.

5.2. Tồn tại, hạn chế

- Một số doanh nghiệp tại cụm công nghiệp chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định; một số cơ sở nhỏ lẻ chưa thực hiện đúng chương trình quan trắc môi trường và chế độ thông tin báo cáo theo quy định; có cơ sở phát sinh chất thải nguy hại nhưng chưa đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại...

- Thói quen bảo vệ giữ gìn môi trường số ở một bộ phận người dân còn hạn chế; vẫn còn một số tập quán, thói quen của một số cộng đồng dân cư chưa thân thiện với môi trường. Tình trạng xả rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định như trên các tuyến giao thông, kênh mương, nơi công cộng còn xảy ra.

- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ còn nằm đan xen trong khu dân cư tiềm ẩn nhiều tác nhân gây ô nhiễm môi trường như: cơ sở chế biến gỗ, cơ khí, sửa chữa ô tô, chăn nuôi...

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật để xử lý môi trường tuy đã được quan tâm nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa huy động được nguồn lực xã hội đầu tư hạ tầng xử lý môi trường mà vẫn chủ yếu do ngân sách nhà nước đầu tư.

- Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường còn hạn chế nhất là công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về môi trường. Công tác quản lý, vận hành lò đốt rác tại thị trấn Nhã Nam và một số đơn vị đã được lắp đặt còn để xảy ra sự cố hoặc hoạt động chưa hiệu quả.

5.3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Nhận thức của một bộ phận nhân dân và các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh trong việc chấp hành pháp luật về Bảo vệ môi trường còn hạn chế.

- Huyện đang trong quá trình hoàn thiện cơ sở hạ tầng, kỹ thuật để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nên việc triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật đã tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên yếu tố này chỉ diễn ra trong một thời điểm nhất định.

- Một số cấp uỷ, chính quyền cơ sở chưa quan tâm đúng mức đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, mới chỉ quan tâm đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, có nơi còn tâm lý vì mục tiêu kinh tế mà chấp nhận hi sinh môi trường.

- Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về môi trường trên địa bàn; hạn chế về năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về môi trường ở cấp xã.

6. Nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường trong thời gian tới

6.1. Nhiệm vụ

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/01/2009 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá IX) về “*Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước*”; Nghị quyết số 100-NQ/HU ngày 16/3/2020 của BTV Huyện uỷ về thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về huy động toàn dân thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường; Kế hoạch của UBND huyện về thực hiện Nghị quyết số 100-NQ/HU ngày 16/3/2020 của Ban Thường vụ Huyện uỷ; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 25/3/2020 của UBND huyện phê duyệt kế hoạch triển khai Đề án “Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo UBND các xã, thị trấn duy trì hoạt động của các HTX dịch vụ VSMT và các tổ vệ sinh môi trường trên địa bàn; thực hiện thu phí dịch vụ vệ sinh môi trường và hoạch toán qua hệ thống ngân sách; tổ chức xử lý triệt để các điểm tồn lưu rác thải ngoài môi trường và phân loại, xử lý lượng rác thải đã tập kết về các khu xử lý rác thải tập trung của xã, thị trấn.

- Tiếp tục triển khai chỉ đạo các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao gắn với thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng NTM; gắn bảo vệ môi trường với khu dân cư tiên tiến về văn hóa, theo mô hình tự quản và phong trào xây dựng khu dân cư: Sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn.

- Chỉ đạo thực hiện lập hồ sơ, kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn, đảm bảo 100% các dự án đầu tư mới đều được lập hồ sơ về bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động.

- Tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh có hoạt động xả nước thải, khí thải; kiên quyết xử lý đối với các trường hợp vi phạm.

- Tiến hành khảo sát, đánh giá, quan trắc chất lượng môi trường đất, nước, không khí do ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt. Khảo sát, đánh giá chi tiết các khu vực có dấu hiệu ô nhiễm môi trường bởi thông số kim loại để xác định nguyên nhân và có giải pháp phù hợp.

- Duy trì vận hành và có cơ chế quản lý tốt lò đốt rác thải đã được đầu tư tại thị trấn Nhã Nam, xã Ngọc Vân, Quế Nham, An Dương, Việt Lập.

6.2. Giải pháp

** Tăng cường phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn:*

- Nâng cao năng lực công tác thẩm định hồ sơ giấy phép môi trường.

- Yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh đầu tư công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải ra môi trường.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong công tác BVMT các dự án, cơ sở sản xuất, nhất là kiểm tra đột xuất các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

- Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường huyện làm cơ sở quản lý và đề xuất các biện pháp xử lý môi trường phù hợp.

- Tiếp tục bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả phối hợp công tác giữa các cấp, các ngành và giải quyết vấn đề môi trường bức xúc trên địa bàn.

** Nâng cao hiệu quả quản lý chất thải trên địa bàn.*

- Tập trung chỉ đạo thu gom, xử lý triệt để rác thải ra ngoài môi trường, tại các khu dân cư, đô thị. Thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả vệ sinh môi trường nông thôn gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường sinh thái, trong đó chú trọng việc đầu tư hạ tầng thu gom, thoát nước của các khu dân cư tập trung.

- Triển khai các giải pháp giảm thiểu phát thải, xử lý chất thải từ hoạt động chăn nuôi có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tuyên truyền vận động các hộ chăn nuôi áp dụng công nghệ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap, đầu tư công trình xử lý chất thải chăn nuôi, đảm bảo không gây ô nhiễm.

** Nâng cao năng lực quản lý môi trường cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường*

Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường cho cán bộ phụ trách công tác môi trường cấp huyện, xã và doanh nghiệp.

** Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về BVMT*

Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân. Hình thành nếp sống văn hóa gắn với môi trường. Tập trung tuyên truyền vận động nhân dân phân loại rác thải tại nguồn. Giảm thiểu lượng rác thải phát sinh không được xử lý. Tái sử dụng, tái chế, tận thu phế liệu từ rác thải.

II. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND tỉnh

Hiện nay, cán bộ thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều là cán bộ kiêm nhiệm nên công tác bảo vệ môi trường tại các xã, thị trấn còn chưa được chú trọng. Trong thời gian tới, đề nghị UBND tỉnh xem xét tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ làm công tác môi trường, đặc biệt là cán bộ cấp xã.

Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành liên quan của tỉnh có quy định, hướng dẫn cụ thể về bảo vệ môi trường đối với chăn nuôi tập trung, chăn nuôi quy mô hộ gia đình trong khu dân cư. Chỉ đạo Công an tỉnh chỉ đạo lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường và Công an các huyện, thành phố xây dựng phương án điều tra, đấu tranh và bắt giữ xử lý kiên quyết đối với các hành vi có dấu hiệu tội phạm về môi trường.

2. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường

Quan tâm tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý nhà nước bảo vệ môi trường ở cấp huyện, cấp xã.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp có hoạt động xả thải, gây ảnh hưởng đến môi trường; đôn đốc các doanh nghiệp xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (b/c);
- TT Huyện ủy, HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVTH;
- Phòng TN và MT huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Quốc Hưng

Phụ lục I
Các nguồn ô nhiễm

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện)

Bảng 1. Danh mục các khu đô (Loại IV) thị tại xã /thị trấn thuộc huyện

STT	Tên đô thị	Địa chỉ	Mật độ dân số (người/km²)	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m³/ngày đêm)	Hệ thống xử lý nước thải tập trung (Số lượng: m³/ngày đêm)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (%)	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý tại chỗ theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường (%)	Kết quả quan trắc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
Tổng			Không có					

Bảng 3. Danh mục làng nghề trên địa bàn

TT	Địa phương/Tên nghề	Địa chỉ	Kết quả bảo vệ môi trường làng nghề					Tỷ lệ số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải phải có công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường /Tổng số cơ sở phải lắp đặt	Tỷ lệ số cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh khí thải phải có công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường /Tổng số cơ sở phải lắp đặt	Số cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề thuộc ngành nghề không khuyến khích phát triển/ tổng số lượng cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề	Các vấn đề môi trường chính
			Phương án bảo vệ môi trường (có/không)	Tổ chức tự quản (có/không)	Hạ tầng bảo vệ môi trường						
					Hệ thống thu gom nước mưa	Hệ thống thu gom nước thải và xử lý nước thải tập trung	Điểm tập kết chất thải rắn /khu xử lý chất thải rắn/phương án vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý chất thải rắn nằm ngoài địa bàn				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Toàn huyện										
I	Xã Ngọc Châu										
1	Làng nghề mỳ Châu Sơn	Thôn Châu Sơn	có	có	có	Không	có	0/0	0/0	0/0	Chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung
II	Xã Việt Lập										
1	Làng nghề làm chổi chít Đông Am Vàng	Thôn Đông Am Vàng	có	có	có	Không	có	0/0	0/0	0/0	Chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung
2	Làng nghề làm chổi chít Nội Hạc	Thôn Nội Hạc	có	có	có	Không	có	0/0	0/0	0/0	Chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung

Phụ lục II.
Quản lý chất thải và phế liệu

(Kèm theo Báo cáo số:...../BC-UBND ngày.....tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tân Yên)

Bảng 1. Các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

TT	Tên	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính (chôn lấp hợp vệ sinh/ không hợp vệ sinh, compost, đốt, công nghệ khác..)	Công suất (kg/giờ)	Tình trạng hoạt động (Đang hoạt động/đã đóng cửa..)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Lò đốt rác thải sinh hoạt thị trấn Nhãm Nam	TDP Tiến Phan, thị trấn Nhãm Nam, huyện Tân Yên	QĐ Số 979/QĐ-UBND ngày 20/9/2021	Đốt	700	Đang hoạt động	
2	Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Ngọc Vân	Thôn Vân Lập, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên	GP số 908/QĐ-UBND ngày 08/03/2021	Đốt	700	Đang hoạt động	
3	Lò đốt rác thải sinh hoạt xã An Dương	Thôn Đèo, xã An Dương, huyện Tân Yên	-	Đốt	500	Đang hoạt động	
4	Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Việt Lập	Thôn Ngọc Trai, xã Việt Lập, huyện Tân Yên	-	Đốt	500	Đang hoạt động	
5	Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Quế Nham	Thôn Đông La, xã Quế Nham, huyện Tân Yên	GP số 666/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	Đốt	700	Chưa hoạt động	

Bảng 2. Các cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Giấy phép môi trường (hoặc GXN hoàn thành công trình BVMT hoặc giấy tờ tương đương)	Công nghệ xử lý chính <i>(chôn lấp, đốt, công nghệ khác..)</i>	Công suất (tấn/ ngày)	Phạm vi tiếp nhận CTRCNTT	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Địa bàn huyện không có cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường						

Bảng 3. Các cơ sở xử lý chất thải nguy hại

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy phép xử lý CTNH)	Công suất, công nghệ xử lý chất thải (gồm cả số liệu xử lý CTRSH, CTCNTT nếu có)	Vùng thu gom, tiếp nhận xử lý CTNH	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Địa bàn huyện không có cơ sở xử lý chất thải nguy hại					

Bảng 4. Các khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn

TT	Tên	Địa chỉ	Đơn vị vận hành	Công nghệ xử lý chính <i>(chôn lấp, compost, đốt, công nghệ khác..)</i>	Công suất xử lý đối với từng loại CTRSH, CTRCNTT, CTNH (kg/giờ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Lò đốt rác thải sinh hoạt thị trấn Nhãm Nam	TDP Tiến Phan, thị trấn Nhãm Nam, huyện Tân Yên	HTX vệ sinh môi trường xanh Nhãm Nam	Đốt	700	
2	Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Ngọc Vân	Thôn Vân Lập, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên	HTX vệ sinh môi trường xã Ngọc Vân	Đốt	700	
3	Lò đốt rác thải sinh hoạt xã An Dương	Thôn Đèo, xã An Dương, huyện Tân Yên	Tổ vệ sinh môi trường xã An Dương	Đốt	500	
4	Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Việt Lập	Thôn Ngọc Trai, xã Việt Lập, huyện Tân Yên	HTX vệ sinh môi trường xã Việt Lập	Đốt	500	
5	Lò đốt rác thải sinh hoạt xã Quế Nham	Thôn Đông Bền, xã Quế Nham, huyện Tân Yên	Chưa hoạt động	Đốt	700	

Bảng 5. Các cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (nếu có)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ cơ sở sản xuất	Giấy phép môi trường (hoặc Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu)	Khối lượng phế liệu nhập khẩu theo từng nhóm phế liệu (Sắt thép, giấy, nhựa, đồng, nhôm...)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Địa bàn huyện không có cơ sở nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất				

Bảng 6. Tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn

TT	Tên xã, thị trấn	Khối lượng phát sinh (Tấn/ngày)	Khối lượng thu gom, vận chuyển (Tấn/ngày)	Khối lượng xử lý (Tấn/ngày)	Tỷ lệ chất thải phải chôn lấp/hóa rắn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Lan Giới	2,1	1,89	1,3	0	
2	Tân Trung	1,4	1,2	1	0	
3	Đại Hoá	1	0,8	0,6	0	
4	Quang Tiến	1,7	1,5	1,3	0	
5	Phúc Sơn	1,3	1	1	0	
6	An Dương	0,15	0,15	0,15	0	
7	Phúc Hoà	0,25	0,2	0,2	0	
8	Liên Sơn	1,8	1,6	1,6	0	
9	Hợp Đức	1,3	1,2	1	0	
10	Lam Cốt	1,1	1,1	1,1	0	
11	Cao Xá	4,67	4,08	4,08	0	
12	Việt Ngọc	0,8	0,8	0,75	0	

13	Song Vân	1,7	1,6	1,5	0	
14	Ngọc Châu	3,4	3,2	3,1	0	
15	Ngọc Vân	1,7	1,7	1,7	0	
16	Việt Lập	4,5	4,4	4,2	0	
17	Liên Chung	2,5	2,2	2,2	0	
18	Ngọc Thiện	2,8	2,3	2,3	0	
19	Ngọc Lý	2,7	2,5	2,5	0	
20	Quế Nham	3,5	3,5	3	0	
21	TT Cao Thượng	9,4	9,2	9,1	0	
22	TT Nhã Nam	6	5.8	5.8	0	
	Tổng	55,77	51.92	49.48	0	

Phụ lục III**Thống kê tình hình phát sinh, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tân Yên)*

STT	Tên xã, thị trấn	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn (m³/ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (m³/ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lan Giới	336	0	336
2	Tân Trung	708	0	708
3	Đại Hoá	417	0	417
4	Quang Tiến	447	0	447
5	Phúc Sơn	468	0	468
6	An Dương	642	0	642
7	Phúc Hoà	656	0	656
8	Liên Sơn	496	0	496
9	Hợp Đức	641	0	641
10	Lam Cốt	660	0	660
11	Cao Xá	1,071	0	1,071
12	Việt Ngọc	745	0	745

STT	Tên xã, thị trấn	Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (m ³ /ngày đêm)	Tổng lượng nước thải sinh hoạt được xử lý tại công trình, thiết bị xử lý chất thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường
13	Song Vân	842	0	842
14	Ngọc Châu	600	0	600
15	Ngọc Vân	771	0	771
16	Việt Lập	867	0	867
17	Liên Chung	630	0	630
18	Ngọc Thiện	1,146	0	1,146
19	Ngọc Lý	653	0	653
20	Quế Nham	772	0	772
21	TT Cao Thượng	1,177	0	1,177
22	TT Nhã Nam	730	0	730
	Tổng	15,475	0	15,475

Phục lục IV

Công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tân Yên)

Bảng 1. Danh mục số lượng và diện tích di sản thiên nhiên, khu bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn

TT	Khu bảo tồn		Di sản thiên nhiên		Hành lang đa dạng sinh học		Cơ sở bảo tồn	
	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích	Số lượng	Diện tích (ha)
-	-	-	-	-	-	-	-	-

Bảng 2. Danh mục loài nguy cấp quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ

TT	Tên loài
	Trên địa bàn huyện không có loài nguy cấp quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ

Bảng 3. Danh mục các loài đặc hữu

TT	Trên địa bàn huyện không có các loài đặc hữu
----	--

Bảng 4. Danh mục các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN

TT	Tên loài
	Trên địa bàn huyện không có các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN

Phụ lục V**Hồ sơ môi trường đã phê duyệt/cấp trong năm***(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tân Yên)*

TT	Tên Dự án	Lĩnh vực	Địa điểm dự án	Số Quyết định phê duyệt	Tên Cơ quan phê duyệt	Ngày ký	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Dự án Xưởng sản xuất bánh kẹo	Môi trường	Thôn Đồng Bông, xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên	GP số 999/GP-UBND	UBND huyện Tân Yên	24/5/2023	
2	Dự án nhà máy sản xuất quần áo, mũ các loại. Nhà máy thêu	Môi trường	CCN Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	GP số 1166/GP-UBND	UBND huyện Tân Yên	07/6/2023	
3	dự án “Xây dựng cơ sở thu mua chế biến nông sản, kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm, thuốc thú y, vật tư nông nghiệp”	Môi trường	TDP phố Bùi, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	GP số 1659/GP-UBND	UBND huyện Tân Yên	18/8/2023	

Phụ lục VI**Kết quả thanh, kiểm tra và xử lý vi phạm trong năm**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Tân Yên)

TT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Số tiền xử phạt vi phạm hành chính (triệu đồng) (nếu có)	Các vi phạm chính	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Cơ sở Bệnh viện y học cổ truyền Tâm Phúc	Tổ dân phố Tân Quang, thị trấn Nhã Nam	96,0	Xả nước thải sinh hoạt vượt quy chuẩn cho phép	CA tỉnh phạt, đã nộp
2	Bà Giáp Thị Thuỷ	Xã Cao Xá	1,5	Xả rác thải sinh hoạt ngoài nơi quy định	Đã nộp